

TÒA ÁN NHÂN DÂN

QUẬN Ô MÔN

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 39/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 12/5/2023

Về việc “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN - TP.CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Nguyễn Khánh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Ngô Thị Út Hậu
- Bà Phạm Thị Bích Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Như Ngọc, thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2023/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Thanh N, sinh năm 1980

Nơi cư trú: ấp Đông T, xã Đông B, huyện T, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Bà Đào Thị Đ, sinh năm 1978

Nơi cư trú: khu vực T, phường T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Thanh N trình bày: ông và bà Đào Thị Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ năm 2013. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, thời gian này bà Đ đã bỏ về nhà của anh chị bà Đ ở phường T sinh sống cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống chung không

thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông N yêu cầu được ly hôn với bà Đ. Về con chung: ông bà có 02 con chung tên Trần Thị T (nữ), sinh ngày 07/7/2013 và Trần Thanh T (nam), sinh ngày 02/12/2015, hiện đang sống cùng ông N, sau khi ly hôn ông N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: ông N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn bà Đào Thị Đtrình bày:* bà thống nhất với phần trình bày của ông N về quá trình kết hôn, con chung cũng như nguyên nhân mâu thuẫn. Bà Đào Thị Đthống nhất thuận tình ly hôn với ông N. Về con chung: bà Đ đồng ý giao 02 con chung cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, bà không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: bà Đ trình bày được cha mẹ chồng cho 7 công đất ruộng tại ấp Đ, xã Đông B, huyện T, thành phố Cần Thơ; yêu cầu giải quyết theo pháp luật. Ngoài ra, khi về với chồng, bà có đưa cho chồng 05 chỉ vàng 24K; 10 chỉ vàng 24K và mượn của bà Nguyễn Thị K (mẹ ruột bà Đ- bà K đã mất) 03 chỉ vàng 24K, tổng cộng là 18 chỉ vàng 24K, bà Đ yêu cầu ông N phải trả cho bà 18 chỉ vàng 24K để bà trị bệnh. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại buổi hòa giải ngày 17/3/2023, các đương sự đã thống nhất thỏa thuận được như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thanh N và bà Đào Thị Đ thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Trần Thị T (nữ), sinh ngày 07/7/2013 và Trần Thanh T (nam), sinh ngày 02/12/2015 cho ông Trần Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng, bà Đào Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà Đào Thị Đ theo quy định pháp luật.

Về nợ chung: Ông N bà Đ xác định không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: ngày 27/3/2023 bà Đào Thị Đ nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung nhưng bà không nộp biên lai thu tạm ứng án phí nên không thể xem xét yêu cầu chia tài sản chung của bà Đ. Do đó, vụ kiện được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Trần Thanh N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông cho rằng ông và bà Đ chung sống với nhau có dư ít tiền nhưng ông đã lo trị bệnh cho bà Đ hết và hiện tại ông bà không có tài sản chung, căn nhà đang ở và đất ruộng là của cha mẹ ông chứ không phải là tài sản chung của ông và bà Đ.

Bà Đào Thị Đtrình bày hiện tại bà đang ở nhờ nhà của chị ruột bà, đang điều trị bệnh, không có việc làm, mọi chi phí sinh hoạt và điều trị bệnh do anh chị của bà góp lại lo lắng cho bà. Bà Đ yêu cầu ông N chia tài sản thì mới đồng ý ly

hôn. Ngoài ra, bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Thị T đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* vụ kiện đã được thụ lý theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do bị đơn có yêu cầu chia tài sản chung nên vụ kiện được đưa ra xét xử theo quy định.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* theo đơn khởi kiện ông Trần Thanh N yêu cầu được ly hôn với bà Đào Thị Đ. Hội đồng xét xử thấy rằng tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp về ly hôn, nuôi con giữa công dân với công dân thuộc ngành Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô Môn theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* ông Trần Thanh N và bà Đào Thị Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn nên xem đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Mâu thuẫn phát sinh do có sự bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa ông N và bà Đ đã thực sự rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên ông N yêu cầu được ly hôn với bà Đ và bà Đ cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] *Xét đơn yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn bà Đào Thị Đ,* Hội đồng xét xử thấy rằng vào ngày 27/3/2023 bà Đào Thị Đ nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn yêu cầu; Tòa án đã ban hành thông báo nộp tiền tạm ứng án phí ngày 12/4/2023, bà Đ đã nhận thông báo ngày 13/4/2023 nhưng bà Đ không nộp biên lai thu tạm ứng án phí nên Tòa án không thể xem xét yêu cầu chia tài sản chung của bà Đ được.

[5] *Về con chung:* ông Trần Thanh N và bà Đào Thị Đ có 02 con chung tên Trần Thị T (nữ), sinh ngày 07/7/2013 và Trần Thanh T (nam), sinh ngày 02/12/2015; ông N và bà Đ thống nhất giao 02 con chung cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, bà Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] *Về tài sản chung:* ông N xác định là không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Bà Đ có đơn yêu cầu chia tài sản nhưng không cung cấp tài liệu chứng

cứ và không nộp tạm ứng án phí nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[7] *Về nợ chung*: ông N bà Đ xác định là không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[8] *Về án phí*: nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thanh N và bà Đào Thị Đ thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Trần Thị T (nữ), sinh ngày 07/7/2013 và Trần Thanh T (nam), sinh ngày 02/12/2015 cho ông Trần Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng, bà Đào Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà Đào Thị Đ theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: ông N xác định là không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Bà Đ có đơn yêu cầu chia tài sản nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ và không nộp tạm ứng án phí nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

Về nợ chung: Ông N bà Đ xác định không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: ông N tự nguyện nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003777 ngày 04/01/2023 thành án phí. Ông N được nhận lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhận:

- VKSND Q. Ô Môn;
- Thi hành án Q. Ô Môn;
- Các đương sự;
- TAND TPCT;
- Lưu hồ sơ;

Đặng Nguyễn Khánh Xuân